

ỨNG XỬ CỦA NGƯỜI DAO TUYỂN - KHỎI KHE VỚI MÔI TRƯỜNG

VI VĂN DÔNG

Môi trường vùng cao Lào Cai trong mấy thập kỷ qua đang đặt ra những vấn đề bức xúc. Trước hết là nạn phá rừng làm nương rẫy đã gây nhiều hậu quả nghiêm trọng. Năm 1943 diện tích đất có rừng che phủ ở tỉnh là hơn 70% tổng diện tích thì đến năm 1973 giảm xuống còn 38,9%. Trong 20 năm qua (1973 - 1993) độ che phủ lãnh thổ tiếp tục giảm xuống còn 19,8%. Mất rừng kéo theo sự mất nước dự trữ, đất canh tác bị bào mòn và suy thoát, gây lũ lụt, hạn hán... tác động lớn đến môi trường sống của người dân vùng cao. Nguyên nhân mất rừng ở vùng cao chủ yếu là do nền nông nghiệp nương rẫy của các dân tộc ít người còn du canh du cư, trong đó có một bộ phận người Dao. Vì vậy cần nghiên cứu các ứng xử của người Dao với môi trường, phân tích những ứng xử tích cực, cũng như mặt tiêu cực thể hiện trong cơ cấu kinh tế, phong tục tập quán nhằm góp phần phát huy (cải tạo) các yếu tố truyền thống để bảo vệ môi trường.

Vì vậy chúng tôi chọn một làng Dao Tuyển - Khổi Khe ở Phong Hải, Huyện Bảo Thắng ở tỉnh Lào Cai làm điểm nghiên cứu.

Bản Khổi Khe là một bản có 450 dân cư trú ở vùng đồi núi cách huyện lỵ Bảo Thắng 30 Km. Tổng diện tích tự nhiên là 900 ha trong đó có gần 700 ha là đất rừng với đất trồng đồi núi trọc. Những năm đầu thế kỷ này ở Khổi Khe cũng như toàn huyện Bảo Thắng diện tích rừng rất lớn, độ che phủ lên tới 85% có khoảng trên 600 ha, rừng Khổi Khe là rừng già, đất có tầng mùn dày tốt. Để đảm bảo cuộc sống, người Dao đã tạo cho mình một thể ứng xử gồm cả cơ cấu kinh tế đến hệ thống cây trồng vật nuôi, thiết chế xã hội luôn nương theo thiên nhiên, hoà đồng vào thiên nhiên chứ không đối lập với môi trường thiên nhiên.

1. ỨNG XỬ TRUYỀN THỐNG VỚI MÔI TRƯỜNG

a. Cơ cấu kinh tế

Sản xuất nương rẫy là chính, coi trọng săn bắn hái lượm, chăn nuôi ít phát triển, trong đó phát nương trồng lúa là nguồn sống chính của người Dao.

b. Quy trình kỹ thuật

Tháng giêng hàng năm đồng bào chọn rừng già làm nương. Người chọn đất lấy cây vót nhọn cắm sâu vào đất,

khi rút ra có đất dính là đất tốt. Tháng hai, đồng bào tổ chức phát rừng theo hai đợt (đợt 1 phát cỏ, chặt dây leo, đợt 2 phát ngã cây to). Nơi chọn làm nương là sườn đồi hướng về phía mặt trời để tạo điều kiện lúa mau phát triển. Sau đó một, hai tháng cây khô sẽ đốt nương, đốt theo chiều gió xung quanh nương dọn sạch, quanh vùng rộng để tránh cháy lan sang rừng, đỉnh đồi để lại vạt rừng nhằm giữ nước.

Tháng 5 tra lúa nương : Năm đầu tiên tra vãi (quãi lúa giống khắp mặt nương, dùng nạo, cuốc cào qua mặt nương). Năm thứ hai trở đi tra bằng gậy chọc lỗ, tra song lấp hố nhằm chống sói mòn, rửa trôi đất. Tháng 6, 7 làm cỏ bằng cuốc bướm, đến tháng 9, 10 thu hoạch. Đáng chú ý chu kỳ sử dụng nương chỉ trong 3 năm, đồng bào lại bỏ hoá nhằm cho rừng cây tái sinh, khoảng 8 đến 10 năm sau mới trở lại làm nương tiếp. Công cụ làm nương tuy thô sơ nhưng thích ứng với địa hình. Công cụ gồm dao phát nương, dao rựa, dao quắm có mũi cong nhằm bảo vệ lưỡi, gậy chọc lỗ dài 3 m, có đầu vót nhọn 40° , cuốc bướm (cán và lưỡi cuốc cong theo tỷ lệ nghịch với độ dốc của đất. Đất càng dốc góc cong càng có độ nhỏ (gần như gấp lưỡi với cán). Người Dao lựa chọn được 6 loại giống lúa chịu được hạn, có năng suất nhằm thích ứng với địa hình. Đồng bào còn áp dụng biện pháp xen canh, trồng từng loại nương (đất tốt, xấu trồng lúa hoặc sắn, bông).

Người Dao canh tác được 3 năm lại du canh phát rừng mới làm nương. Còn nương cũ được hưu canh, rừng tiếp tục tái sinh. Ứng xử truyền thống này không làm kiệt màu đất, vẫn tạo điều kiện bảo vệ được môi trường. Tuy nhiên từ thập kỷ 50 đến thập kỷ 60, do sức ép của tăng dân số, diện tích rừng tái sinh không kịp với diện tích rừng bị đốt làm nương rẫy. Đời sống người Dao Khỏi Khe gặp rất nhiều khó khăn, năm 1963 cả bản có 17 hộ gia đình, có tới 14 hộ đói ăn từ 3 đến 6 tháng. Diện tích rừng đến thập kỷ 70 đã giảm xuống chỉ còn độ che phủ là 25%. Diện tích đất trồng đồi trọc tăng nhanh từ 15 ha năm 1955 lên tới 600 ha năm 1982. Trước thực trạng này, người Dao đứng trước thách thức trực tiếp là tiếp tục ứng xử với môi trường theo mô hình cổ truyền : Phá rừng làm nương rẫy hoặc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đồng bào lựa chọn ứng dụng chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

2. ỨNG XỬ HIỆN NAY CỦA NGƯỜI DAO VỚI MÔI TRƯỜNG

a. Cơ cấu kinh tế

Tuỳ theo điều kiện địa hình, phát triển kinh tế trên thế mạnh nông lâm kết hợp (trồng quế, trồng rừng, làm ruộng nước, làm lúa nương).

b. Bố trí hệ thống cây trồng vật nuôi thích hợp với điều kiện tự nhiên

- Trên đỉnh núi và sườn núi chăm sóc và trồng rừng tự nhiên phòng hộ, giữ nguồn nước.

- Ở các sườn núi có độ dốc trên 25° , mức độ phân cắt lớn còn có rừng gỗ bao phủ, người Dao tía rừng trồng quế dưới tán rừng theo phương pháp truyền thống, cây quế con từ 1 - 2 tuổi cần độ ẩm, được tán rừng che bóng sẽ phát triển nhanh. Rừng gỗ quế ở đây hạn chế dòng chảy, bảo vệ đất không bị xói mòn. Quế ít bị sâu bệnh phá hoại, cỏ dại ở gốc quế không phát triển.

- Ở chân các quả đồi và các dãy núi thấp, độ dốc dưới 25° , trồng quế xen lúa nương và sắn. Trong ba năm đầu quế phát triển chậm, chậm hơn tốc độ sinh trưởng của lúa nương và sắn. Năm đầu trồng xen lúa nương vào đồi quế, năm thứ hai, thứ ba, đất bạc màu trồng xen sắn vào đồi quế. Như vậy vừa tạo được nguồn lương thực vừa lợi dụng tốc độ sinh trưởng nhanh của lúa nương và sắn để tạo tán che cho cây quế con, khi quế 4 tuổi khép tán, người Dao trồng xen dưới gốc quế những cây trồng khác.

- Ở vườn, quanh nhà người Dao trồng từng hàng quế đan xen với các loại cây ăn quả, tạo thành vườn quế.

- Ở khe núi ven suối, thuận nguồn nước, người Dao cày bừa, xây dựng thành các ruộng lúa nước hai vụ.

- Ở nơi đất khe trũng, đồng bào còn ngăn suối đào ao thả cá vừa đảm bảo nguồn nước cho các ruộng lúa, vừa bảo vệ được môi trường (cả bản có 12 ao).

Nhờ chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng nông lâm kết hợp, đẩy mạnh sản xuất kinh tế hộ theo mô hình VAC nên môi trường sinh thái ở Khổi Khe được bảo vệ, đời sống nhân dân được nâng cao. Diện tích rừng được phát triển nhanh, từ 120 ha năm 1981 đã tăng lên 250 ha năm 1995, diện tích đất trồng đồi núi trọc giảm xuống chỉ còn 30% so với năm 1981.

Diện tích đất canh tác năm 1991 mới chiếm 15% diện tích đất tự nhiên của địa phương, nay đã tăng lên 21%. Lương thực bình quân đầu người đạt 355 kg/người/năm (riêng thóc là 288 kg). Năm 1991 còn 60 - 70% số hộ thiếu đói, Nhà nước phải cứu trợ hàng năm từ 5-7 tấn thóc, nay chỉ còn 15% số hộ thiếu ăn từ 1-3 tháng, mà cơ bản là thiếu thóc chứ không thiếu màu. Bản đã có một đàn trâu 70 con, mỗi hộ trung bình nuôi 2 lợn, 10 ha ao trước kia hoặc bỏ hoang hoặc sử dụng rất kém hiệu quả nay đã được nhân dân đầu tư công sức, tiền của nên đã bắt đầu đi vào khai thác, chủ yếu là nuôi cá giống phục vụ đồng bào trong bản và các bản lân cận. Đã xuất hiện một số gia đình làm ăn giỏi, thu từ 5-10 triệu đồng/năm từ sản xuất cá giống, bà con sản xuất xen canh, lấy ngắn nuôi dài. Bên cạnh trồng trọt, chăn nuôi, thả cá, cây công nghiệp cũng được chú trọng phát triển, đặc biệt là cây quế - một nguồn lợi sẽ đem lại thu nhập cao cho từng gia đình, đang đi dần vào quỹ

đạo sản xuất hàng hoá. Hiện nay trong bản đã có 35/89 hộ trồng quế với tổng diện tích 35,67 ha. Bà con đang chuẩn bị trồng thêm 30 ha nữa.

Ở Khởi Khe đã xuất hiện nhiều mô hình hộ gia đình sản xuất giỏi, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nhanh và khoa học. Tiêu biểu như gia đình ông Bàn Khánh Hưởng trưởng bản đã trồng 2 vạn cây quế, có 5.000 cây cho thu hoạch, mỗi năm nguồn thu từ quế và vườn gia đình của ông được khoảng 40 triệu đồng. Tổng giá trị tài sản của ông là hơn một tỷ đồng Việt Nam. Cả bản có 71% số hộ có tài sản từ 30 triệu đồng đến một tỷ đồng.

Đời sống văn hoá - xã hội ở Khởi Khe, một thôn vùng sâu của đồng bào dân tộc đã có nhiều chuyển biến theo hướng đi lên. Số cháu trong độ tuổi đến trường từ 30% (1991) nay đã tăng lên 52% (58/128). Bản có 2 lớp học do 2 giáo viên người Dao giảng dạy. Cả bản có 4 y tá chăm lo về mặt y tế cho nhân dân. Do mạng lưới y tế hoạt động khá nên dịch bệnh được phát hiện và xử lý kịp thời, không để lây lan, không còn những trường hợp tử vong do sốt rét, sởi... Công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình ở đây thực hiện khá tốt. Tuy là một bản của đồng bào dân tộc ít người, lại ở vùng sâu, nhưng nhận thức về sinh đẻ có kế hoạch khá tiên bộ, nhất là số chị em từ 25 tuổi trở xuống dứt khoát

chỉ đẻ hai con. Đến nay có 32% (35/108) chị em trong độ tuổi sinh đẻ đã thực hiện các biện pháp tránh thai, trong đó có 7 trường hợp triệt sản. Tỷ lệ tăng dân số hàng năm là 2,3%, đây là một tỷ lệ hiếm có ở một bản dân tộc ít người vùng sâu. Hiện nay bản đã có 8 tivi, 2 video, 70% hộ có đài, có 31 máy phát điện nhỏ.

KẾT LUẬN

1. Người Dao ở Khởi Khe - Bảo Thắng - Lào Cai đã tìm ra cách ứng xử hoà và nương dựa vào thiên nhiên một cách linh hoạt, uyển chuyển, lợi dụng và tận dụng cả hệ thống lẫn từng yếu tố của địa hình bố trí các ngành kinh tế, cơ cấu cây trồng.

2. Trên các khung môi trường đa dạng, người Dao tìm ra sự thích ứng hợp với từng thời gian cụ thể. Trong xã hội cổ truyền kinh tế nương rẫy có phân tích hợp khi diện tích rừng còn phong phú, nhưng những thập kỷ vừa qua với sức ép tăng dân số, với sự tàn phá rừng, thế ứng xử bằng kinh tế nương rẫy không phù hợp.

3. Người Dao phát huy thế mạnh truyền thống là gắn kinh tế với rừng (không phải ruộng nước như người Việt) đã tìm ra thế ứng xử mới kết hợp sản xuất nông lâm nghiệp, đi lên từ cây quế, từ rừng với mô hình hệ sinh thái "rừng nuôi ruộng - rừng + ruộng nuôi người - người lại trồng rừng quế, và làm ruộng".